

DANH SÁCH THÍ SINH
Năm học 2025-2026. Học kỳ 1

Môn thi: **Tiếng Anh 1**

Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận trên máy Thời gian làm bài: 120 (phút)

Tổng số thí sinh: 601

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
1	263	CT090101	Bùi Phúc	An	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
2	394	AT210301	Chu Văn Trường	An	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
3	130	DT080201	Đỗ Quốc	An	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
4	164	AT210501	Lê Thành	An	6,5	7,5	6,8	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
5		DT080101	Lưu Nguyễn Bình	An	-100	-100	-100	1				Cấm thi
6		AT210201	Nguyễn Trường	An	-100	-100	-100	1				Cấm thi
7		AT160201	Nguyễn Văn	An	-100	-100	-100	1				Cấm thi
8		DT050101	Phạm Văn	An				1				Quy đổi điểm
9		AT200401	Trần Trường	An	-100	-100	-100	1				Cấm thi
10	456	CT090202	Trịnh Quang	An	6	8	6,6	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
11	196	AT210401	Vũ Văn	An	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
12	426	CT090204	An Quốc	Anh	7	9	7,6	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
13	427	DT080302	Bùi Tuấn	Anh	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
14		AT180305	Đặng Tuấn	Anh				1				Quy đổi điểm
15	490	AT210404	Đinh Tuấn	Anh	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
16	131	CT090205	Đoàn Đức	Anh	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
17	328	DT080303	Đỗ Hoàng	Anh	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
18	197	DT080102	Đỗ Việt	Anh	8,3	9	8,5	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
19	231	CT090104	Hoàng Phương	Anh	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
20	556	CT090105	Hoàng Tuấn	Anh	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
21		AT210405	Lê Đức	Anh	-100	-100	-100	1				Cấm thi
22		AT190102	Lê Kim Hoàng	Anh	-100	-100	-100	1				Cấm thi
23	264	AT210502	Lê Viết Phương	Anh	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
24	359	CT090304	Ngô Duy	Anh	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
25	265	AT210205	Nguyễn Đức	Anh	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
26		AT180503	Nguyễn Hải	Anh	-100	-100	-100	1				Cấm thi
27	232	AT210203	Nguyễn Thế	Anh	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
28	100	DT070203	Nguyễn Trọng Việt	Anh	6,5	8	7	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
29		AT210303	Nông Đức	Anh	-100	-100	-100	1				Cấm thi
30	457	CT090103	Phạm Thế	Anh	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
31	428	DT080202	Phạm Thị Nguyệt	Anh	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
32	266	CT090303	Phạm Thị Quỳnh	Anh	6,5	8	7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
33	198	AT210402	Phùng Nhật	Anh	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
34	557	CT090305	Thái Việt	Anh	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
35	558	AT210103	Trần Bá	Anh	8	9	8,3	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
36	522	AT210503	Trịnh Quang Tuấn	Anh	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
37	327	AT210403	Trương Quốc	Anh	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
38	360	DT080301	Vũ Quốc	Anh	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
39	491	DT080304	Nguyễn Ngọc	Bách	8	9	8,3	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
40	199	AT210306	Đỗ Quốc	Báo	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
41	492	AT210207	Lục Tuấn	Báo	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
42	293	DT080105	Nguyễn Trọng Quân	Báo	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
43	493	CT090107	Phạm Nguyễn Quốc	Báo	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
44	233	AT210206	Hà Xuân	Bắc	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
45	267	AT140103	Nguyễn Thế	Bắc	7	6	6,7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
46	268	DT080103	Phạm Văn	Bắc	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
47	200	AT210105	Trần Phương	Bắc	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
48	329	DT080106	Lê Tiến	Bình	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
49	101	AT210406	Nguyễn Đức	Bình	7,5	9	8	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
50	429	DT080204	Trịnh Thanh	Bình	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
51	132	CT060403	Trịnh Văn	Bình	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
52	395	DT080205	Cao Sơn	Cánh	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
53	458	DT080305	Hoàng Mạnh	Chiến	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
54	294	AT210506	Kiều Minh	Chiến	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
55	494	CT080108	Nguyễn Đình	Chiến	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
56	361	AT210507	Nguyễn Khắc	Chiến	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
57	102	DT080206	Nguyễn Ngọc	Chiến	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
58	559	AT210106	Nguyễn Trung	Chiến	7,5	7	7,4	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
59		CT070206	Vũ Mạnh	Chiến	-100	-100	-100	1				Cấm thi
60	165	CT090206	Trần Ngọc	Chiêu	5	8	5,9	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
61	234	DT080306	Đinh Đức	Chính	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
62	103	CT090207	Vũ Đức	Chính	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
63	269	CT090306	Vũ Quang	Chinh	7,5	9	8	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
64	166	DT080307	Đinh Thành	Chung	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
65	201	DT080308	Đặng Nguyên	Chương	9	10	9,3	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
66		AT160209	Bùi Thành	Công				1				Quy đổi điểm
67	523	CT090108	Hoàng Minh	Công	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
68	560	CT090307	Nguyễn Doãn Thành	Công	7,5	9	8	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
69	167	CT060206	Nguyễn Văn	Công	6	8	6,6	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
70	295	CT090208	Hoàng Mạnh	Cường	6	9	6,9	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
71	104	DT080207	Lê Việt	Cường	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
72	202	CT090109	Lò Mạnh	Cường	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
73		AT170406	Nguyễn Duy	Cương				1				Quy đổi điểm
74	362	DT080108	Nguyễn Mạnh	Cường	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
75		AT150507	Nguyễn Nam	Cường				1				Quy đổi điểm
76	561	AT210108	Phạm Ngọc	Cường	9	7	8,4	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
77		AT170507	Phan Cao	Cường				1				Quy đổi điểm
78	524	DT080309	Trần Quốc	Cường	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
79	430	AT210107	Vũ Mạnh	Cường	9	7	8,4	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
80		AT190110	Nguyễn Việt	Dầu	-100	-100	-100	1				Cấm thi
81	396	AT210508	Trần Phúc	Diện	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
82		CT040109	Nguyễn Thị	Diệu	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
83		AT130109	Hà Tiến	Đuẩn	-100	-100	-100	1				Cấm thi
84	525	AT210114	Dương Mạnh	Dũng	8,5	8	8,4	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
85	133	CT090308	Đặng Thùy	Dung	7	9	7,6	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
86	236	CT090315	Đỗ Mạnh Hùng	Dũng	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
87	459	DT060211	Lê Tiến	Dũng	8,8	9	8,9	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
88	134	CT090314	Ngô Văn	Dũng	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
89		AT210313	Nguyễn Duy Anh	Dũng	-100	-100	-100	1				Cấm thi
90	203	AT200116	Nguyễn Minh	Dũng	8	7	7,7	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
91	431	AT210513	Nguyễn Tiến	Dũng	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
92		CT040211	Nguyễn Văn	Dũng	-100	-100	-100	1				Cấm thi
93	460	AT210414	Phạm Quang	Dũng	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
94	363	AT210514	Phạm Văn	Dũng	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
95		CT090116	Phạm Vũ	Dũng	-100	-100	-100	1				Cấm thi
96	461	DT080110	Trần Hoàng	Dũng	7	7	7	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
97	235	CT090214	Trần Thị Vân	Dung	7	9	7,6	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
98	462	DT080213	Trương Anh	Dũng	8	9	8,3	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
99	397	AT210318	Dương Quang	Duy	7,5	9	8	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
100	432	AT210416	Đào Hải	Duy	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
101	562	AT210316	Đặng Khánh	Duy	7	9	7,6	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
102	433	AT210415	Đặng Thanh	Duy	8	9	8,3	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
103	495	AT210317	Lê Nhật	Duy	7	9	7,6	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
104	135	AT160608	Lê Quốc	Duy	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
105		AT190116	Nguyễn Đức	Duy	-100	-100	-100	1				Cấm thi
106		DT080317	Nguyễn Huy Quang	Duy	-100	-100	-100	1				Cấm thi
107	463	AT210217	Nguyễn Nhật	Duy	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
108	105	DT080217	Nguyễn Vũ	Duy	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
109	464	CT090316	Phạm Đức	Duy	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
110	237	DT080114	Phạm Tiến	Duy	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
111	270	DT080216	Phạm Xuân	Duy	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
112	106	AT210516	Tạ Đình Hoàng	Duy	8,5	10	9	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
113	330	DT080113	Trần Nhật	Duy	7,8	8	7,9	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
114	107	AT210117	Võ Văn	Duy	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
115	204	CT080115	An Đức	Dương	7,5	8,5	7,8	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
116	331	DT080315	Đinh Tùng	Dương	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
117		AT200415	Hoàng Hải	Dương	-100	-100	-100	1				Cấm thi
118	238	DT080111	Nguyễn Đăng	Dương	7	7	7	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
119	563	AT210115	Nguyễn Thái	Dương	9	8	8,7	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
120		AT190115	Nguyễn Tùng	Dương	-100	-100	-100	1				Cấm thi
121	108	DT080112	Nguyễn Tùng	Dương	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
122	564	CT090215	Nguyễn Xuân	Dương	7	9	7,6	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
123	296	DT080215	Phan Ngọc	Dương	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
124	565	AT210315	Trần Nhật	Dương	8	9	8,3	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
125	465	DT080316	Trần Thái	Dương	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
126	364	AT210208	Tạ Liên	Đài	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
127	239	DT080208	Trần Đức	Đai	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
128	205	AT210209	Trần Hữu	Đai	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
129	526	CT050308	Bùi Thành	Đạt	6	7	6,3	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
130		DT080210	Bùi Tiến	Đạt	-100	-100	-100	1				Cấm thi
131	168	CT090111	Đỗ Như	Đạt	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
132	527	DT080211	Đỗ Tiến	Đạt	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
133	240	AT210408	Lăng Thành	Đạt	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
134	398	CT090312	Lê Mạnh	Đạt	6,5	7	6,7	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
135	109	AT210309	Nông Đức	Đạt	6	7	6,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
136	206	DT080109	Phạm Văn	Đạt	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
137	297	CT090211	Trần Tiến	Đạt	7	9	7,6	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
138	434	CT090311	Trịnh Đức	Đạt	6,5	8	7	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
139	169	DT080310	Trịnh Phát	Đạt	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
140		AT200410	Vũ Hữu	Đạt	-100	-100	-100	1				Cấm thi
141		AT210409	Vũ Mạch Tuấn	Đạt	-100	-100	-100	1				Cấm thi
142	207	AT210308	Lê Hải	Đăng	7	7	7	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
143	170	CT090310	Trần Hải	Đăng	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
144	241	CT090209	Triệu Hải	Đăng	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
145	528	DT080209	Vũ Minh	Đăng	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
146	271	CT090309	Vũ Trần Hải	Đăng	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
147	272	AT140310	Vũ Ngọc	Diệp	8	6	7,4	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
148	242	CT090113	Nguyễn Bá	Đoàn	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
149	435	AT210510	Nông Tuấn	Đoàn	6,5	8	7	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
150	171	DT080311	Trần Đăng	Đoàn	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
151		AT160512	Vũ Huy	Đoàn	-100	-100	-100	1				Cấm thi
152	365	AT210211	Bùi Anh	Đồng	7,5	9	8	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
153	436	AT210109	Nguyễn Phương	Đồng	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
154	172	CT080112	Vũ Thành	Đồng	8,5	8	8,4	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
155		AT200412	Bùi Minh	Đức	-100	-100	-100	1				Cấm thi
156	243	CT090313	Bùi Minh	Đức	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
157	208	AT210113	Lê Huy	Đức	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
158		AT210511	Lê Minh	Đức	-100	-100	-100	1				Cấm thi
159		DT080314	Ngô Minh	Đức	-100	-100	-100	1				Cấm thi
160	136	CT090212	Nguyễn Bá	Đức	6	8	6,6	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
161	529	AT170712	Nguyễn Bá Minh	Đức	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
162	399	AT210212	Nguyễn Hữu	Đức	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
163	530	AT210311	Nguyễn Minh	Đức	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
164	366	AT210111	Nguyễn Tắt	Đức	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
165		CT050311	Nguyễn Trung	Đức	-100	-100	-100	1				Cấm thi
166	298	AT160316	Phạm Ngọc	Đức	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
167	466	AT210112	Trần Tiến	Đức	8,5	7	8,1	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
168	299	AT210110	Vũ Anh	Đức	8,5	8	8,4	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
169		AT140118	Đinh Văn	Giang	7,5	8	7,7	1				Nợ HP
170	566	CT090317	Đoàn Trường	Giang	6,5	8	7	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
171	400	AT210418	Nguyễn Công	Giang	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
172	173	AT210517	Nguyễn Hoàng	Giang	6,5	8	7	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
173		CT020314	Nguyễn Trường	Giang	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
174	273	CT090118	Phan Trường	Giang	9	8	8,7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
175	401	AT210417	Vũ Nam	Giang	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
176		AT190117	Lê Đức	Hà	-100	-100	-100	1				Cấm thi
177	531	CT090119	Lê Thị	Hà	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
178	174	CT080214	Nguyễn Ngọc	Hà	7,5	7	7,4	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
179	437	DT080218	Phạm Hoàng	Hà	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
180	175	AT210118	Phạm Việt	Hà	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
181	274	CT080216	Vũ Nguyễn	Hà	9,5	10	9,7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
182		AT160123	Kim Tuấn	Hải				1				Quy đổi điểm
183	438	DT080115	Lê Tuấn	Hải	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
184	275	AT190520	Nguyễn Minh	Hải	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
185	332	DT080318	Nguyễn Văn	Hải	9	8	8,7	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
186	467	CT090217	Phạm Hoàng	Hải	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
187	209	DT080219	Trương Tuấn	Hải	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
188	137	DT080116	Vũ Minh	Hải	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
189	138	DT080319	Chu Minh	Hào	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
190	110	AT210319	Ma Văn	Hào	7,5	9	8	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
191	111	DT070215	Nguyễn Văn	Hào	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
192	367	AT210220	Bùi Thu	Hằng	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
193	139	AT160517	Trần Thị	Hằng	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
194		AT200119	Nguyễn Năng	Hậu	-100	-100	-100	1				Cấm thi
195		AT210320	Vũ Đức	Hậu	-100	-100	-100	1				Cấm thi
196	496	DT080320	Đinh Thị	Hiên	9	10	9,3	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
197	300	DT080117	Phạm Thu	Hiên	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
198	439	CT050318	Trần Đăng	Hiên	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
199		AT190320	Nguyễn Thị	Hiệp	-100	-100	-100	1				Cấm thi
200		AT160518	Nguyễn Văn	Hiệp				1				Quy đổi điểm
201	301	DT080118	Nguyễn Văn	Hiệp	6	7	6,3	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
202	302	AT210420	Trần Hoàng	Hiệp	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
203	402	AT210520	Vũ Công	Hiệp	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
204	368	CT090218	Vũ Minh	Hiệp	6	8	6,6	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
205	440	AT210222	Bùi Minh	Hiếu	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
206	403	AT210321	Bùi Minh	Hiếu	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
207	210	AT210421	Cao Trọng	Hiếu	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
208	404	AT210120	Đinh Văn	Hiếu	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
209	211	DT080321	Hà Quang	Hiếu	9	10	9,3	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
210	140	CT090318	Nguyễn Trung	Hiếu	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
211	532	CT090319	Nguyễn Trung	Hiếu	8	9	8,3	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
212		CT060412	Nguyễn Trung	Hiếu				1				Quy đổi điểm
213	176	CT030420	Nguyễn Văn	Hiếu	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
214	276	DT080119	Nguyễn Văn	Hiếu	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
215	277	AT210422	Nguyễn Văn	Hiếu	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
216	533	AT210322	Nguyễn Việt	Hiếu	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
217	141	AT210121	Phạm Minh	Hiếu	7,5	9	8	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
218	405	AT210221	Tạ Minh	Hiếu	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
219		AT170219	Trần Trung	Hiếu	-100	-100	-100	1				Cấm thi
220	333	CT090120	Trần Trung	Hiếu	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
221		DT080120	Trương Minh	Hiếu	-100	-100	-100	1				Cấm thi
222	369	CT080219	Vũ Đình	Hiếu	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
223		DT080322	Bùi Thị	Hoa	-100	-100	-100	1				Cấm thi
224	177	AT210122	Lâm Ngọc	Hoàng	7,5	9	8	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
225	534	AT170122	Lê Thanh	Hoàng	6,5	8	7	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
226	178	AT160422	Nguyễn Bắc	Hoàng	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
227		DT080122	Nguyễn Công Minh	Hoàng	-100	-100	-100	1				Cấm thi
228	406	DT080220	Nguyễn Danh	Hoàng	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
229	441	AT210522	Nguyễn Thọ	Hoàng	6,5	8	7	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
230		CT080122	Phạm Xuân	Hoàng	-100	-100	-100	1				Cấm thi
231	497	DT080121	Thái Hữu	Hoàng	7	7	7	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
232	179	CT060413	Trần Nhân	Hoàng	7	7	7	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
233	212	DT080221	Trần Nhật	Hoàng	9	8	8,7	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
234		CT060415	Vũ Huy	Hoàng				1				Quy đổi điểm
235	303	AT210123	Võ Khắc	Hợp	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
236		DT070220	Nguyễn Quang	Huân	-100	-100	-100	1				Cấm thi
237	142	CT090121	Vĩ Văn	Huân	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
238		DT040125	Nguyễn Đăng	Hùng	-100	-100	-100	1				Cấm thi
239	468	CT090219	Phạm Tuấn	Hùng	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
240	244	AT200326	Bùi Quang	Huy	6,5	8	7	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
241	112	AT210125	Đỗ Hữu	Huy	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
242		AT210325	Hoàng Gia	Huy	-100	-100	-100	1				Cấm thi
243	278	DT080226	Lò Mạnh	Huy	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
244	245	AT210426	Mai Quang	Huy	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
245	567	CT090321	Nguyễn Đình	Huy	6,5	8	7	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
246	304	CT090122	Nguyễn Đình Quang	Huy	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
247	469	CT090322	Nguyễn Đức	Huy	7,5	9	8	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
248	535	CT090323	Nguyễn Hữu	Huy	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
249	334	DT080225	Nguyễn Lâm	Huy	9	8	8,7	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
250	279	DT080126	Nguyễn Ngọc	Huy	6,5	7	6,7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
251	180	DT080125	Nguyễn Quang	Huy	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
252	335	AT210226	Nguyễn Quang	Huy	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
253	246	CT090224	Nguyễn Văn	Huy	6	8	6,6	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
254	498	CT090123	Nguyễn Văn	Huy	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
255	370	AT210124	Nguyễn Xuân	Huy	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
256	568	CT090324	Phạm Trịnh Gia	Huy	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
257		AT190527	Trần Quang	Huy	-100	-100	-100	1				Cấm thi
258	569	CT090223	Vũ Quang	Huy	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
259	536	AT210525	Nguyễn Đàm Thu	Huyền	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
260	143	CT090124	Chu Thế	Huỳnh	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
261	305	DT080227	Đoàn Trọng	Huỳnh	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
262	113	AT210324	Kiều Tuấn	Hưng	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
263	371	AT150125	Lê Viết	Hưng	6	7	6,3	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
264		AT160623	Lê Xuân	Hưng	-100	-100	-100	1				Cấm thi
265	306	AT210323	Nguyễn Duy	Hưng	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
266	499	DT080123	Nguyễn Xuân	Hưng	7	7	7	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
267	114	AT200125	Tổng Ngọc	Hưng	7	7	7	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
268	307	AT190424	Trần Duy	Hưng	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
269	570	AT210423	Trần Thế	Hưng	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
270	372	DT080222	Trần Xuân	Hưng	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
271	280	CT090320	Triệu Việt	Hưng	6,5	8	7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
272	470	AT210523	Vũ Đình	Hưng	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
273		AT140816	Bạch Diệu	Hương				1				Quy đổi điểm
274		AT210524	Lê Duy	Hường	-10	-10	-10	1				Cấm thi
275	181	DT080223	Nhữ Thị	Hường	9	8	8,7	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
276	442	DT080124	Phạm Thu	Hương	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
277	537	AT180521	Trần Quang	Hường	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
278		AT200229	Lê Tuấn	Khải	-100	-100	-100	1				Cấm thi
279	373	AT210526	Nguyễn Đăng	Khải	6	8	6,6	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
280		CT070133	Quách Văn	Khải	-100	-100	-100	1				Cấm thi
281	374	AT210126	Đặng Nguyễn	Khang	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
282		CT060119	Bùi Đức	Khánh	-100	-100	-100	1				Cấm thi
283	247	DT080127	Bùi Ngọc	Khánh	7	9	7,6	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
284		AT210228	Bùi Quang	Khánh	-100	-100	-100	1				Cấm thi
285	308	CT060318	Đặng Kim	Khánh	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
286	375	DT080228	Đỗ Duy	Khánh	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
287	336	AT210528	Đỗ Nam	Khánh	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
288	213	AT210327	Hoàng Ngọc	Khánh	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
289	337	CT090225	Lưu Minh	Khánh	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
290	500	AT210229	Ngô Văn	Khánh	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
291	571	AT210127	Nguyễn Duy	Khánh	9	8	8,7	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
292	309	AT210329	Nguyễn Nam	Khánh	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
293	407	AT200430	Nguyễn Văn	Khánh	6	8	6,6	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
294	281	AT210227	Phạm Lê	Khanh	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
295	471	DT080324	Trần Quốc	Khánh	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
296	310	CT090326	Hà Danh	Khoa	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
297	144	AT210529	Nguyễn Đăng	Khôi	8,5	8	8,4	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
298	115	AT210430	Nguyễn Minh	Khôi	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
299	376	AT210429	Phạm Cao	Khôi	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
300		AT160427	Nguyễn Sỹ	Khởi	-100	-100	-100	1				Cấm thi
301		CT090125	Lâm Văn	Khuê	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
302	282	DT080325	Ngô Khắc	Kiên	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
303	145	DT080128	Nguyễn Đức	Kiên	8,5	10	9	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
304	182	AT210530	Nguyễn Trung	Kiên	7,5	8,5	7,8	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
305		AT200432	Nguyễn Trung	Kiên	-100	-100	-100	1				Cấm thi
306	538	CT090126	Nguyễn Văn	Kiên	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
307		CT090227	Nguyễn Văn	Kiên	-10	-10	-10	1				Cấm thi
308		AT200232	Phan Trung	Kiên	-100	-100	-100	1				Cấm thi
309	539	DT080326	Trần Quang	Kiên	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
310		DT080327	Lê Phạm Tuấn	Kiệt	-100	-100	-100	1				Cấm thi
311	311	DT080129	Nguyễn Tuấn	Kiệt	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
312	472	CT090228	Nguyễn Vũ	Kỳ	9	7	8,4	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
313	116	AT210130	Lê Phạm Thị	Lài	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
314	501	CT060420	Đỗ Đình	Lâm	6	7	6,3	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
315		DT080328	Lê Duy	Lâm	-100	-100	-100	1				Cấm thi
316	312	AT150629	Lê Kim Bá	Lâm	6	7	6,3	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
317	473	AT210331	Nguyễn Hồ Bảo	Lâm	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
318	338	AT210257	Nguyễn Phú	Lâm	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
319		AT170630	Bùi Hữu	Linh				1				Quy đổi điểm
320	408	AT210432	Bùi Quang	Linh	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
321	283	AT210531	Lưu Nhật	Linh	10	10	10	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
322	502	AT210132	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	8	9	8,3	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
323	214	AT210532	Nguyễn Thùy	Linh	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
324		DT070230	Nguyễn Văn	Linh	-100	-100	-100	1				Cấm thi
325	146	CT090327	Trịnh Thị	Linh	7,5	9	8	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	

STT	SBD	Mã HVS	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
326	313	AT210431	Trương Vũ Cẩm	Linh	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
327		DT030225	Bùi Duy	Long	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
328	443	DT080330	Bùi Minh	Long	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
329		AT210434	Cao Văn	Long	-100	-100	-100	1				Cấm thi
330	339	AT210433	Hà Văn	Long	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
331	183	AT160429	Nguyễn Đức	Long	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
332	284	AT210232	Nguyễn Khả Đức	Long	9	8	8,7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
333	572	CT090128	Nguyễn Tất Hoàng	Long	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
334	184	CT090129	Nguyễn Thành	Long	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
335	147	AT210133	Nguyễn Thành	Long	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
336	215	AT210334	Nguyễn Viết Nhật	Long	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
337	503	AT210333	Phạm Nhất	Long	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
338	504	DT080132	Trần Hiền	Long	8,5	10	9	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
339	185	DT080329	Đình Việt	Lộc	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
340	248	CT090328	Đình Tiến	Lợi	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
341	249	CT090229	Nguyễn Thành	Luân	6	9	6,9	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
342	216	AT200469	Nguyễn Thành	Luân	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
343	250	DT080229	Nguyễn Văn	Luân	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
344	340	CT060123	Hoàng Đức	Lương	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
345	444	AT210534	Nguyễn Viết Bảo	Lương	8	7,5	7,9	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
346	186	AT210234	Trần Thị Thanh	Mai	9,5	9	9,4	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
347	540	CT090329	Bùi Duy	Mạnh	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
348	573	CT060422	Hoàng Đức	Mạnh	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
349	474	DT080133	Nguyễn Duy	Mạnh	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
350	409	DT080230	Nguyễn Duy	Mạnh	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
351	117	CT090230	Nguyễn Đức	Mạnh	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
352	445	AT190433	Nguyễn Hùng	Mạnh	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
353	574	CT090130	Nguyễn Tiến	Mạnh	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
354	187	CT040131	Phạm Xuân	Mạnh	8	7	7,7	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
355	148	AT210235	Trương Đức	Mạnh	7,5	9	8	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
356	505	AT160237	Đào Nguyễn Nhật	Minh	5	7	5,6	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
357	217	DT080231	Khổng Lê	Minh	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
358	475	AT210136	Lê Văn	Minh	8,5	8	8,4	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
359	218	AT210336	Nguyễn Công	Minh	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
360	188	AT210435	Nguyễn Nhật	Minh	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
361	189	DT080331	Nguyễn Nhật	Minh	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
362	314	CT090132	Nguyễn Quang	Minh	9	9,5	9,2	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
363	219	CT090231	Nguyễn Quang	Minh	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
364	251	DT080134	Nguyễn Tuấn	Minh	8,5	10	9	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
365	541	CT040231	Phạm Trường	Minh	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
366	377	AT210135	Thái Duy	Minh	8,5	8	8,4	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
367	410	CT090330	Vũ Nguyễn Đức	Minh	9,5	9	9,4	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
368	252	CT090131	Vũ Tiến	Minh	9	9,5	9,2	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
369	118	CT080236	Xa Bảo	Minh	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
370		CT060325	Nguyễn Thị Trà	My				1				Quy đổi điểm
371		DT060236	Bùi Quý	Nam	-100	-100	-100	1				Cấm thi
372	446	AT210236	Đỗ Hoài	Nam	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
373	411	AT210338	Đỗ Hoài	Nam	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
374	447	AT210437	Đỗ Phương	Nam	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
375	220	AT200441	Hà Thế	Nam	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
376	506	DT080332	Nguyễn Minh	Nam	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
377	315	AT210438	Nguyễn Ngọc	Nam	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
378	507	CT090232	Nguyễn Văn	Nam	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
379	341	AT210237	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	9,5	9	9,4	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
380	542	CT090233	Đặng Thị	Nga	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
381	448	AT210537	Nông Thị	Nga	7,5	9	8	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
382	476	AT210538	Nguyễn Thị Kim	Ngân	8	9	8,3	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
383	253	AT210137	Trần Kim	Ngân	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
384	285	AT210138	Dư Trọng	Nghĩa	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
385	149	CT090331	Lê Bá	Nghĩa	9,5	9	9,4	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
386		CT040134	Trần Duy	Nghĩa	-100	-100	-100	1				Cấm thi
387	508	CT090234	Vương Khả	Nghĩa	5	8	5,9	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
388	190	DT080233	Bùi Bích	Ngọc	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
389	509	AT210238	Bùi Thị Kim	Ngọc	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
390		CT030241	Lê Minh	Ngọc				1				Quy đổi điểm
391		DT080136	Phan Yến	Ngọc	-100	-100	-100	1				Cấm thi
392	412	CT090332	Đỗ Đức	Nguyễn	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	

STT	SBD	Mã HVS	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
393	575	DT080234	Ngô Sỹ	Nguyễn	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
394	254	CT090133	Nguyễn Trung	Nguyễn	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
395	119	AT210339	Bùi Thanh	Nhân	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
396		AT210340	Cao Văn	Nhân	-100	-100	-100	1				Cấm thi
397	342	DT080235	Hoàng Việt	Nhật	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
398	150	CT090333	Lương Quang	Nhật	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
399	286	AT190437	Trần Minh	Nhật	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
400	343	AT190139	Lương Thị Hồng	Nhung	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
401	378	AT210439	Bùi Quỳnh	Như	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
402	120	AT210440	Nguyễn Trần Thái	Ninh	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
403	344	CT090334	Chữ Thanh	Phong	6,5	8	7	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
404	477	AT210539	Hoàng Hữu	Phong	7,5	8,5	7,8	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
405	345	AT210540	Ngô Thọ Kỳ	Phong	8,5	8	8,4	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
406		DT080236	Vũ Tuấn	Phong	-100	-100	-100	1				Cấm thi
407		DT030234	Bùi Huy	Phúc	-100	-100	-100	1				Cấm thi
408	151	AT210341	Hoàng Minh	Phúc	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
409	191	DT080333	Lê Đình	Phúc	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
410	287	CT090135	Nguyễn Hoàng	Phúc	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
411	379	CT090235	Nguyễn Trọng	Phúc	7	9	7,6	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
412	221	CT090136	Vũ Hữu	Phúc	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
413	152	CT090236	Trần Hoàng	Phước	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
414	222	AT190440	Vi Đức	Phương	6,5	7	6,7	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
415	316	CT080153	Đỗ Văn	Quang	7,5	7,5	7,5	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
416	380	DT080139	Hoàng Văn	Quang	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
417	121	DT080239	Hồ Văn	Quang	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
418	317	DT080138	Lê Vinh	Quang	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
419	381	AT210242	Nguyễn Đình	Quang	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
420	510	DT080335	Nguyễn Đức Việt	Quang	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
421	478	AT210143	Nguyễn Minh	Quang	8,5	8	8,4	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
422		AT190242	Nguyễn Việt	Quang	-100	-100	-100	1				Cấm thi
423	318	AT210142	Trần Minh	Quang	9	8	8,7	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
424	576	DT080334	Đỗ Hồng	Quân	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
425	511	DT080238	Lê Hữu	Quân	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
426		DT030235	Lương Hồng	Quân	-100	-100	-100	1				Cấm thi
427		AT160543	Lưu Mạnh	Quân				1				Quy đổi điểm
428	382	DT080237	Mai Văn	Quân	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
429	223	AT200448	Ngô Huy	Quân	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
430	224	AT210441	Nguyễn Văn	Quân	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
431	449	AT210442	Phạm Anh	Quân	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
432	413	CT090238	Phạm Anh	Quân	7	9	7,6	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
433	225	AT210542	Phạm Minh	Quân	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
434	512	DT080137	Trần Minh	Quân	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
435	192	AT210541	Trần Nhật Minh	Quân	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
436	383	CT090335	Lê Ngọc	Quốc	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
437	577	CT090336	Nguyễn Minh	Quý	7,5	9	8	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
438	384	AT200249	Phạm Văn	Quý	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
439	319	DT080336	Trần Minh	Quý	6,5	8	7	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
440		AT150146	Bình Văn	Quyền				1				Quy đổi điểm
441	255	DT080337	Chu Văn	Quyền	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
442		AT160737	Lê Đình	Quyền	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
443	122	CT090337	Nguyễn Thảo	Quyền	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
444	513	AT210243	Tông Nhật	Quyền	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
445	193	AT210344	Lữ Như	Quỳnh	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
446	194	CT060237	Lý Thị Diễm	Quỳnh	7	8,5	7,5	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
447	514	AT210443	Hoàng Văn	Sáng	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
448	414	AT210444	Nguyễn Ánh	Sáng	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
449	543	CT090338	Nguyễn Bá	Sáng	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
450	153	DT060142	Phạm Văn	Sang	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
451		AT170442	Đặng Văn	Sâm				1				Quy đổi điểm
452	515	AT210245	Nguyễn Hồng	Sơn	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
453	578	AT210543	Nguyễn Hồng	Sơn	7,5	8,5	7,8	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
454		CT090137	Nguyễn Lê Ngọc	Sơn	-100	-100	-100	1				Cấm thi
455	154	DT080240	Nguyễn Thế	Sơn	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
456		AT190445	Nguyễn Văn	Sơn	-100	-100	-100	1				Cấm thi
457		CT060238	Trần Đức	Sơn				1				Quy đổi điểm
458	544	AT200450	Trịnh Bá Trường	Sơn	6,5	8	7	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
459	415	AT190548	Nguyễn Văn	Sự	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
460	450	DT080338	Trần Văn	Sỹ	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
461	479	AT210346	Nguyễn Văn	Tài	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
462		DT070240	Vũ Anh	Tài	-100	-100	-100	1				Cấm thi
463		DT080339	Nguyễn Công Thiện	Tâm	-100	-100	-100	1				Cấm thi
464	226	AT210445	Nguyễn Đức	Tân	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
465	288	DT080340	Nguyễn Văn	Thạch	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
466	545	DT080341	Đỗ Duy	Thái	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
467	155	DT080142	Triệu Quốc	Thái	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
468	156	CT090339	Bùi Đức	Thành	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
469	385	DT080242	Hoàng Thị Phương	Thanh	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
470	346	CT090241	Nguyễn Chí	Thanh	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
471	347	CT090139	Nguyễn Công	Thành	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
472	256	CT060437	Nguyễn Hồng	Thành	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
473	416	AT210247	Nguyễn Tiến	Thành	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
474	451	DT080243	Nguyễn Tiến	Thành	9	8	8,7	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
475	386	AT210246	Nguyễn Văn	Thành	7,5	9	8	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
476	123	AT210347	Nguyễn Văn	Thành	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
477	452	DT080244	Phạm Xuân	Thành	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
478	348	AT210146	Thái Đức	Thành	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
479	417	DT080144	Trần Đức	Thành	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
480	257	AT210348	Đặng Hương	Thảo	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
481	480	AT210447	Nguyễn Thị	Thảo	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
482	579	AT210546	Bùi Gia	Thăng	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
483		AT160745	Nguyễn Đức	Thắng				1				Quy đổi điểm
484	546	AT210545	Nguyễn Phú	Thăng	7	7	7	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
485	124	CT090239	Nguyễn Thọ	Thắng	5	8	5,9	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
486	516	DT080241	Nguyễn Văn	Thắng	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
487	195	CT090240	Tạ Ngọc	Thắng	6	8	6,6	1	16/01/2026	7h00	201-TA1	
488	418	AT210145	Trần Đại	Thắng	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
489	419	DT080143	Trần Văn	Thắng	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
490	517	AT190150	Văn Xuân	Thắng	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
491	481	DT080343	Mai Văn	Thiem	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
492		DT070245	Phạm Ngọc	Thien	-100	-100	-100	1				Cấm thi
493	453	AT210548	Đặng Duy	Thịnh	9	7,5	8,6	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
494		DT080344	Khuong Viêt	Thịnh	-100	-100	-100	1				Cấm thi
495	387	DT080145	Lê Quang	Thịnh	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
496	388	CT050247	Nguyễn Đức	Thịnh	7	7	7	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
497	349	AT150554	Nguyễn Tiến	Thịnh	7	7	7	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
498	580	CT090340	Nguyễn Văn Cường	Thịnh	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
499	350	AT210147	Phùng Thị	Thom	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
500		AT160447	Nguyễn Thị Lệ	Thu				1				Quy đổi điểm
501	227	DT080146	Đinh Minh	Thuận	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
502	320	AT210148	Nguyễn Đức	Thuần	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
503		CT080256	Nguyễn Tăng	Thuận	-100	-100	-100	1				Cấm thi
504		CT060439	Trần Văn	Thủy	-100	-100	-100	1				Cấm thi
505		CT080255	Bùi Thị Minh	Thư	-100	-100	-100	1				Cấm thi
506		AT190352	Lê Đức	Tiến	-100	-100	-100	1				Cấm thi
507	582	AT140144	Nguyễn Bá	Tiến	6	8	6,6	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
508	289	DT080245	Nguyễn Hữu	Tiến	9	8	8,7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
509	547	DT080147	Nguyễn Văn	Tiến	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
510	351	AT210248	Phan Đồng	Tiến	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
511	482	CT090341	Phan Minh	Tiến	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
512	518	CT090242	Trần Xuân	Tiến	7	8	7,3	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
513	228	CT090142	Trương Hoàng	Tiến	9	10	9,3	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
514	581	CT090342	Vũ Phạm Ngọc	Tiến	7	6	6,7	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
515		AT160750	Nguyễn Xuân	Tiếp	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
516		CT090143	Hà Văn	Toàn	-100	-100	-100	1				Cấm thi
517	420	DT080346	Lê Đức	Toàn	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
518	583	AT210249	Nguyễn Mạnh	Toàn	8	9	8,3	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
519	352	AT200459	Phan Quốc	Toàn	7	8	7,3	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
520	483	CT090243	Đinh Thị Thanh	Trang	7	9	7,6	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
521		AT210549	Hoàng Thùy	Trang	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
522		AT210450	Lê Hà	Trang	-100	-100	-100	1				Cấm thi
523	290	AT210350	Vũ Huyền	Trang	6,5	8	7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
524	548	AT210349	Nguyễn Quỳnh	Trâm	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
525	549	AT210550	Nguyễn Đức	Trí	6,5	8,5	7,1	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
526	157	CT090244	Võ Minh	Trí	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
527	229	AT210149	Lê Đức	Triết	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	
528	550	CT030351	Mai Duy	Trinh	8,5	7	8,1	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
529	321	AT210150	Vì Thị Kiều	Trinh	7,5	9	8	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
530	484	AT210250	Đặng Văn	Trọng	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
531	551	DT080246	Nguyễn Phú	Trọng	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
532	322	CT090245	Phạm Thanh	Trúc	6	8	6,6	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
533	421	AT210251	Bùi Thế	Trung	9,5	9	9,4	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
534	353	CT090144	Đặng Quang	Trung	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
535	158	AT210351	Đỗ Kiên	Trung	7	9	7,6	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
536	584	AT210352	Lê Hoàng	Trung	8	9	8,3	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
537	354	DT080247	Ngô Văn	Trung	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
538	323	AT200461	Nguyễn Văn	Trung	7,5	9	8	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
539	585	CT090145	Phạm Trần Chí	Trung	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
540	324	CT090343	Tiêu Quang	Trung	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
541	519	CT090344	Bùi Xuân	Trường	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
542	454	DT080345	Đỗ Mạnh	Trường	9	8	8,7	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
543	389	AT210452	Đàm Đức	Tú	9	8	8,7	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
544	520	AT180547	Đào Ngọc	Tú	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
545	258	DT080148	Hoàng Anh	Tú	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
546	485	AT210151	Hoàng Minh	Tú	8,5	7	8,1	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
547	355	CT090345	Lê Minh	Tú	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
548	259	CT090146	Ngô Văn	Tú	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
549	159	AT210551	Nông Tuấn	Tú	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
550	125	DT080149	Trần Ngọc	Tú	8,2	8	8,1	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
551	390	DT080347	Vũ Ngọc	Tú	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
552	391	CT090147	Cao Ngọc	Tuấn	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
553	486	CT090247	Đinh Công	Tuấn	6	8	6,6	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
554	260	DT080249	Hoàng Anh	Tuấn	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
555		AT200462	Lê Quốc	Tuấn	-100	-100	-100	1				Cấm thi
556	423	DT080150	Lê Văn	Tuấn	7	7	7	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
557		AT190454	Nguyễn Anh	Tuấn	-100	-100	-100	1				Cấm thi
558	552	DT080349	Nguyễn Huy	Tuấn	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
559	126	DT080248	Nguyễn Sỹ	Tuấn	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
560	422	AT210152	Nguyễn Thanh	Tuân	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
561	127	AT210354	Phạm Ngọc	Tuấn	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
562	455	DT080348	Trần Anh	Tuân	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	101-TA3	
563	261	AT210454	Bùi Quang	Tùng	8,5	8	8,4	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
564	553	AT210553	Bùi Quang	Tùng	9	9,5	9,2	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
565	554	CT020442	Mai Duy	Tùng	6	7,5	6,5	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
566	487	AT210453	Nguyễn Thanh	Tùng	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
567	128	AT190557	Nguyễn Văn	Tùng	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
568	586	AT210153	Tô Cảnh	Tùng	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
569	356	CT090347	Trần Đức	Tùng	8	9	8,3	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
570	160	CT090248	Trần Văn	Tùng	7	8	7,3	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
571		AT190154	Vũ Quang	Tùng	-100	-100	-100	1				Cấm thi
572	488	AT210254	Đào Ngọc	Tuyền	8,5	9	8,7	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
573		CT060443	Đào Văn	Tuyền				1				Quy đổi điểm
574	555	DT080250	Đặng Ngọc	Tuyền	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	13h00	202.2-TA1	
575	357	DT080350	Hoàng Công	Tuyền	8	8	8	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
576	392	CT090348	Ngô Trọng	Tuyền	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
577	291	AT210154	Lê Xuân	Tường	9	8	8,7	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
578	424	CT090249	Lê Đức	Việt	6	8	6,6	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
579	521	AT210356	Nguyễn Quốc	Việt	9	9	9	1	16/01/2026	13h00	201-TA1	
580	161	DT050136	Nguyễn Văn	Việt	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
581	292	CT090148	Phạm Văn	Việt	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	101-TA3	
582	162	CT090349	Trần Đình Quang	Việt	8	8	8	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
583		AT210456	Vì Hoàng	Việt	-100	-100	-100	1				Cấm thi
584		DT070250	Nguyễn Thế	Vinh	-25	-25	-25	1				Cấm thi
585	489	CT090250	Nguyễn Trường	Vinh	6	9	6,9	1	16/01/2026	13h00	102.1-TA1	
586	163	CT090149	Phạm Thành	Vinh	9	9	9	1	16/01/2026	7h00	102.1-TA1	
587	393	DT080251	Vũ Quang	Vinh	8	8,5	8,2	1	16/01/2026	9h00	202.1-TA1	
588		CT040455	Bùi Quốc	Vũ	-100	-100	-100	1				Cấm thi; Nợ HP
589	129	DT080152	Hoàng Anh	Vũ	7	7	7	1	16/01/2026	7h00	101-TA3	
590	325	AT210357	Lê Anh	Vũ	9	9	9	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
591	587	DT080151	Lương Trường	Vũ	8	8	8	1	16/01/2026	13h00	203-TA1	
592	326	CT090350	Nguyễn Anh	Vũ	7,5	9	8	1	16/01/2026	9h00	102.1-TA1	
593	230	CT090150	Nguyễn Long	Vũ	8	9	8,3	1	16/01/2026	7h00	202.2-TA1	

STT	SBD	Mã HVSV	Họ đệm	Tên	TP1	TP2	ĐQT	Lần thi	Ngày thi	Ca thi	Phòng	Ghi chú
594	425	AT210256	Phạm Anh	Vũ	7,5	8	7,7	1	16/01/2026	9h00	203-TA1	
595		CT090251	Trần Đình	Vũ	-10	-10	-10	1				Cấm thi
596	262	DT080352	Trần Đình	Vũ	8	7	7,7	1	16/01/2026	7h00	203-TA1	
597	358	DT080252	Vì Minh	Vũ	9	8,5	8,9	1	16/01/2026	9h00	201-TA1	
598		AT210457	Đặng Việt	Vương	-100	-100	-100	1				Cấm thi
599		CT060445	Khương Đức	Vượng				1				Quy đổi điểm
600		DT070251	Lương Mạnh	Xây	-100	-100	-100	1				Cấm thi
601		AT150466	Phạm Thị	Yến	-100	-100	-100	1				Cấm thi

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

PHÒNG KT&ĐBCLĐT